

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, Năm học 2024 - 2025

I. Thông tin chung (Đề dự phòng)

Tên học phần:	Cơ sở văn hóa Việt Nam			
Mã học phần:	71CULT20222	Số tin chỉ:	02	
Mã nhóm lớp học phần:	241 71CULT20222 11, 35			
Hình thức thi: Tự luận		Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có Tài liệu giấy		☐ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng kiến thức cơ sở văn hóa để lý giải các hiện tượng văn hóa trong đời sống và trong văn học nghệ thuật, sáng tạo nội dung.	Tự luận	50%	1	5	PI2.1, I
CLO2	Phân tích các đặc trưng văn hóa truyền thống của người Việt trên các phương diện: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống và văn hóa ứng xử.	Tự luận	30%	2	3	PI2.2b, I
CLO4	Sử dụng hiệu quả kỹ năng thuyết trình, giao tiếp bằng ngôn ngữ, kỹ năng lập luận	Tự luận	20%	1,2	2	PI8.1, I

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu 1 (6 điểm). Vận dụng tri thức văn hóa về ẩm thực giải thích bài đồng dao *Con gà cục tác lá chanh*

*Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.
Con chó khóc đứng, khóc ngồi,
Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng,
Con trâu nằm ngựa nằm nghiêng,
Xin chó mua riềng, mua tỏi cho tôi*

Câu 2 (4 điểm). Phân tích tính cộng đồng và tự trị của làng xã Việt Nam? Nó có vai trò như thế nào trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước?

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
Câu 1		6.0	
Nội dung a. Phân tích khái quát về ẩm thực truyền thống của người Việt	Ẩm thực truyền thống của người Việt thường tuân thủ theo quy luật bù trừ và chuyển hóa, cân bằng khi chế biến, ví dụ hải sản thường chấm nước mắm gừng, trứng vịt lộn ăn với rau răm và muối tiêu; ốc nhồi hấp với gừng, tía tô theo nguyên tắc hài giữa thức ăn “nóng” và “lạnh”. Theo quan niệm của người Việt, ăn uống cân bằng mới khiến cho cơ thể khỏe mạnh, ít bệnh tật.	1.0	
Nội dung b. Phân tích sự kết hợp cân bằng, hài hòa, hợp lý về ẩm thực của bài đồng dao	Bài đồng dao nói về tập quán, kinh nghiệm ẩm thực của người Việt Nam. Trong bài có 4 con vật là gà, lợn, chó, trâu; mỗi con vật tương ứng, phù hợp với một món gia vị khác nhau. Đây là những gia vị phù hợp nhất với từng loại thức ăn mà ông cha đã đúc kết và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Bài đồng dao cho ta kinh nghiệm rằng khi ăn thịt gà thì phải có lá chanh, ăn thịt lợn thì cần có dưa hành, ăn thịt chó cần có củ giềng và ăn <u>thịt</u> trâu thì phải có tỏi đi kèm. Phải có sự với hợp hài hòa ấy mới giúp cho các món ăn có hương vị trọn vẹn mang bản sắc ẩm thực của người Việt. Đây là mẹo và thói quen chế biến món ăn ngon rất đặc sắc của người Việt.	2.0	
Nội dung c. Bài đồng dao là bài học quý về ẩm thực dân gian.	Bài đồng dao là nghệ thuật ẩm thực của người Việt. Các món thịt đi kèm với các loại gia vị trên sẽ ngon hơn, đẹp hơn. Thịt gà khi kết hợp với lá chanh sẽ thơm ngon và bắt mắt hơn; thịt lợn ăn kèm với dưa hành có tác dụng kích thích tiêu hóa, rất tốt cho đường ruột... Các loại gia vị này rất thân thuộc và dễ kiếm trong vườn của mỗi gia đình Việt. Sự kết hợp này có tác dụng bồi bổ sức khỏe và trở thành những vị thuốc dân gian có tác dụng chữa bệnh, rất lợi ích cho sức khỏe. Bài đồng dao chính là những kinh nghiệm nấu nướng tuyệt vời mà ông cha để lại <u>cho</u> chúng ta, là tri thức dân gian mà người Việt Nam nào cũng từng nghe qua và trải nghiệm trong cuộc sống.	2.0	
Nội dung c. Kỹ năng diễn đạt, lập luận	- Kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý thông tin chính xác - Kỹ năng tư duy phân tích hiệu quả, tư duy phản biện sâu sắc	1.0	
Câu 2		4.0	
Nội dung a. Phân tích tính cộng đồng của làng xã Việt Nam.	- Làng là tài sản chung của cộng đồng. được hình thành, phát triển qua nhiều thế hệ; các thành viên đều phải có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ.	1.0	

	- Làng là cộng đồng kinh tế tiểu nông, tự cấp, tự túc bằng trồng trọt, chăn nuôi, các nghề phụ...; nơi duy trì những thiết chế, sinh hoạt của công xã truyền thống. - Làng quy định chuẩn mực ứng xử theo nguyên tắc tôn trọng quy định chung. - Làng gắn liền với “cây đa, bến nước, sân đình”... Những biểu tượng rất quen thuộc trong văn học nghệ thuật truyền thống. - Làng biểu trưng cho sức mạnh, tiềm lực kinh tế; là không gian sinh hoạt động cộng đồng, thực hành tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa, lễ hội...		
Nội dung b. Phân tích tính tự trị của làng xã Việt Nam	- Làng là đơn vị hành chính tự trị, được quản lý chặt chẽ thông qua nhiều sợi dây liên hệ: chức tước, khoa mục, tuổi tác, trật tự thân tộc... - Làng thường được bao bọc bởi lũy tre, hướng nội và khép kín. - Mỗi làng đều có chợ riêng, có đủ mọi nghề thủ công, dịch vụ nhằm tự cung tự cấp; kinh tế hàng hóa kém phát triển, thiếu cạnh tranh. - Làng tuân thủ theo những trật tự có sẵn, luôn kính trọng người cao tuổi, đây là sợi dây gắn kết cá nhân với cộng đồng.	1.0	
Nội dung b. Vai trò của làng xã Việt Nam trong bảo vệ và xây dựng đất nước	- Làng xã Việt Nam ổn định nhưng kém phát triển; mang tính khép kín, vừa đối lập vừa thống nhất, mang tính quân bình trong các mối quan hệ; coi trọng truyền thống. - Hình thành nên những phẩm chất của dân tộc: Tự tôn, tự cường; cần cù, chịu khó; tương thân tương ái, nhân văn, nghĩa tình... - Làng xã Việt Nam có khả năng bảo tồn mạnh mẽ, có khả năng chống lại những âm mưu đồng hóa; tuy nhiên có nhược điểm là bảo thủ, kìm hãm sức vươn lên của xã hội.	1.0	
Nội dung c. Kỹ năng diễn đạt, lập luận	- Kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý thông tin chính xác. - Kỹ năng tư duy phân tích hiệu quả, tư duy phản biện sâu sắc.	1.0	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề



Lê Thị Gấm

Giảng viên ra đề



Triệu Văn Thịnh